

Bản án số: 99/2025/HS-ST
Ngày 19 - 6 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp.

Ông Trần Anh Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Hợp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/HSST- QĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Ngô Thị T, sinh năm 1974 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú: số T khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Phan T1 (đã chết) và bà Tạ Thị C, sinh năm 1953; bị cáo có chồng tên Tô Xuân H, sinh năm 1970 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2024, bị cáo mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Bảo P, là Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH D, địa chỉ trụ sở: số 30 V, đường số B, khu công nghiệp V - S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thanh T2, sinh năm 1983, nơi cư trú: số D đường L, tổ C, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Đức N, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ F, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 2001, nơi cư trú: tổ dân phố I, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: số E, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Ông Tô Xuân H, sinh năm 1970, nơi cư trú: T khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D (sau đây gọi là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702289155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp ngày 07/07/2014, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 11/6/2020; địa chỉ: số C, đường số B, Khu công nghiệp V S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của Công ty là ông Sung Myung K, quốc tịch: Hàn Quốc, thường trú: thành phố D, tỉnh Donggu, Hàn Quốc.

Công ty ký hợp đồng lao động với Ngô Thị T từ ngày 03/4/2021 đến ngày 05/5/2024, chức vụ là Kế toán trưởng của Công ty theo Hợp đồng lao động số DABV/20030301 ngày 03/4/2021. Hết thời hạn hợp đồng Công ty chưa ký tiếp hợp đồng, tuy nhiên T tiếp tục làm việc tại Công ty với nhiệm vụ đã được giao (theo giải thích của Công ty do nhân viên phụ trách nhân sự nghỉ thai sản nên chưa thực hiện thủ tục ký hợp đồng. Mặc dù chưa ký tiếp hợp đồng nhưng T vẫn tiếp tục làm việc và hưởng các chế độ của Công ty B).

Quy trình giao dịch tiền trong tài khoản ngân hàng số 700003622376 của Công ty như sau:

Khi cần chuyển tiền thì nhân viên Công ty sẽ viết lệnh chuyển tiền theo mẫu của Ngân hàng, sau đó trình lên Giám đốc là ông Sung Myung K xem xét ký duyệt (chữ ký đã được đăng ký với Ngân hàng S Chi nhánh B1). Nếu đúng là giao dịch của Công ty thì ông Sung Myung K sẽ ký duyệt, nhân viên đóng dấu rồi đem đến ngân hàng G.

Khoảng thời gian từ ngày 28/4/2024 đến ngày 05/5/2024 ông Sung Myung K đi công tác tại Hàn Quốc, không có mặt ở Việt Nam. Cũng vào khoảng thời gian này, Ngô Thị T đang bị các đối tượng trên không gian mạng dẫn dắt đầu tư kiếm lời trên sàn ngoại hối “Luno bit”. Ban đầu T tham gia và được các đối tượng gửi cho T 01 lệnh và xác định tài khoản của T thắng được số tiền 209.508,13 USD nhưng phải nộp các khoản phí để rút số tiền này và yêu cầu T chuyển tiền vào các tài khoản của các đối tượng gửi cho T qua ứng dụng Telegram. Tin tưởng thật, để có tiền thực hiện, T 06 lần giả chữ ký của ông Sung Myung K (01 lần làm thủ tục huỷ dịch vụ SMS, 05 lần giả chữ ký séc rút tiền) để chuyển tiền và để tránh việc phát hiện của ông Sung Myung K. T đã thực hiện thủ tục yêu cầu thay đổi/huỷ dịch vụ SMS thông báo biến động số dư đến số điện thoại của ông Sung Myung K và chuyển tiền, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, để tránh bị phát hiện khi giao dịch tài khoản ngân hàng của Công ty, T chuẩn bị sẵn mẫu yêu cầu thay đổi hủy dịch vụ SMS, sáng ngày 02/5/2024, T điền thông tin và 02 số điện thoại 0342463649 và 0973200552 của T vào mẫu rồi tự ký chữ ký của ông Sung Myung K, lấy mộc dấu của Công ty và dấu tên của ông Sung Myung K đóng vào. Sau đó, T đem đến Ngân hàng, sau khi nhân viên ngân hàng kiểm tra, thực hiện quy trình kiểm tra theo quy định không phát hiện nên chấp nhận thực hiện thay đổi số điện thoại tài khoản 700003622376 của Công ty.

- Lần thứ hai: Thương chuẩn bị sẵn mẫu Lệnh chuyển tiền của Ngân hàng, chiều ngày 02/5/2024, T điền thông tin vào Lệnh chuyển tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng B2 số 8811970328 tên *Nguyen T*, mục nội dung thanh toán T viết là “*thanh toán tiền hàng*” để tránh bị nhân viên ngân hàng phát hiện. T tự ký chữ ký của ông Sung Myung K, lấy mộc dấu của Công ty và mộc họ tên của ông Sung Myung K đóng vào Lệnh, ký tên của T vào mục Kế toán trưởng rồi đem đến Ngân hàng S - trụ sở ở T, T, Bình Dương để giao dịch. Nhân viên ngân hàng kiểm tra, theo quy trình không phát hiện nên thực hiện giao dịch chuyển tiền thành công.

- Lần thứ ba: tương tự như lần thứ 2, vào ngày 03/5/2024, T điền thông tin vào Lệnh chuyển tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V số 1043268779 tên *Nguyen Van T4*, mục nội dung thanh toán T viết là “*thanh toán công nợ*”. T tự ký chữ ký của ông Sung Myung K, lấy mộc dấu của Công ty và mộc họ tên của ông Sung Myung K đóng vào Lệnh, ký tên của T vào mục Kế toán trưởng rồi tiếp tục đem đến Ngân hàng S - trụ sở ở T, T, Bình Dương để giao dịch. Nhân viên ngân hàng kiểm tra, theo quy trình không phát hiện nên thực hiện giao dịch chuyển tiền thành công.

- Lần thứ tư: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/5/2024, T tiếp tục ký giả chữ ký của ông Sung Myung K và hoàn thành Lệnh chuyển tiền 398.000.000 đồng chuyển đến tài khoản Ngân hàng B2 số 8811970328 tên *Nguyen T*. Lần này, T đem đến Ngân hàng S - trụ sở thành P1, nhân viên ngân hàng không phát hiện nên thực hiện giao dịch chuyển tiền thành công.

- Lần thứ năm: sáng ngày 04/5/2024, T tiếp tục thực hiện giả chữ ký của ông Sung Myung K và hoàn thành Lệnh chuyển tiền 779.377.200 đồng đến số tài khoản Ngân hàng B2 tên *Nguyen T*. T đem đến Ngân hàng S - trụ sở ở T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giao dịch. Nhân viên ngân hàng kiểm tra, theo quy trình không phát hiện và đồng ý giao dịch.

- Lần thứ sáu: chiều ngày 04/5/2024, do sợ phía ngân hàng phát hiện chuyển tiền nhiều lần đến các số tài khoản ngân hàng giống nhau nên T đã nhờ ông Bùi Đức N - Giám đốc Công ty B3 (là bạn của T) cho mượn tài khoản số 0411001050797 của Công ty B3. T tiếp tục giả chữ ký của ông Sung Myung K và hoàn thành Lệnh chuyển tiền 545.536.040 đồng đến số tài khoản nêu trên. Sau đó, T nhờ ông N chuyển số tiền trên vào tài khoản số 700016367789 Ngân hàng S của T và đưa tiền mặt cho T 15.000.000 đồng. Thương chuyển hết số tiền trên đến số tài khoản Ngân hàng B2 8830913265 tên *Nguyen Thi Thu H1* theo yêu cầu của những người lừa đảo.

Đến ngày 05/5/2024, sau nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của đối tượng có tài khoản tên *Trần Sơn T5* nhưng không nhận được tiền lợi nhuận như đã hứa hẹn, T biết mình đã bị các đối tượng lừa đảo nên nộp đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (PC02) để điều tra làm rõ sự việc.

Sau khi ông Sung M Ki quay trở lại Việt Nam để làm việc thì phát hiện tài khoản ngân hàng 700003622376 của Công ty TNHH D mở tại Ngân hàng S bị Ngô Thị T làm giả chứng từ và chiếm đoạt 4.423.944.241 đồng của Công ty. Ông Sung Myung K nhiều lần gặp mặt nói chuyện và đề nghị T trả lại tiền và lập phương án trả tiền cho Công ty, nhưng T không có khả năng khắc phục cho Công ty. Ông Sung Myung K tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Ngô Thị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để xử lý.

Tài liệu, chứng cứ thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG (của Ngô Thị T).

- Kết luận giám định số 3011/KL-KTHS(TL) ngày 18/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký tên “Sung Myung Ki” và hình tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH D.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG S.G.C.N: 463043000436-Đ.T.N.NG” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký thực nghiệm của Ngô Thị T và hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và có nguồn gốc từ cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết họ tên “Ngô Thị T (T)”; chữ ký không ghi họ tên và chữ viết nội dung trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết của Ngô Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

- Trích xuất dữ liệu điện thoại của Ngô Thị T thu thập được dữ liệu là hình ảnh các đoạn hội thoại mà T nhắn tin với tài khoản Trần Sơn T5, hình ảnh giao dịch chuyển tiền, tin nhắn SMS của Ngân hàng S1 báo biến động số dư của tài khoản 700003622376 Công ty TNHH D.

Cáo trạng số 98/CT-VKSBD-P1 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố bị cáo Ngô Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và xác định, về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu là từ 15 năm đến 17 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Về xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa trình bày: Thống nhất về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo; tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt; việc bị cáo phạm tội do sự lỏng lẻo của bị hại trong quản lý con dấu, tài khoản ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất nội dung cáo trạng, bị cáo trong thời gian làm việc hiền lành, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền chiếm đoạt và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo trình bày: Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị cáo thành khẩn xin lỗi công ty và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Trong thời gian từ ngày 02/5/2024 đến ngày 04/5/2024, tại Công ty TNHH D, địa chỉ: số C, đường số B, khu công nghiệp V S, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do muốn có tiền để chuyển cho các đối tượng trên không gian mạng nên Ngô Thị T đã có hành vi gian dối, làm giả 06 tài liệu gồm: 01 phiếu yêu cầu thay đổi dịch vụ và 05 lệnh chuyển tiền của Công ty TNHH D và sử dụng các tài liệu giả này đến các Chi nhánh Ngân hàng S trên địa bàn tỉnh Bình Dương, yêu cầu nhân viên ngân hàng chuyển tiền từ tài khoản số 700003622376 của Công ty TNHH D vào các tài khoản do T chỉ định để chiếm đoạt số tiền 4.423.944.241 đồng. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Ngô Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; truy tố bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

[4] Phần trình bày của người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp có vốn tư nước ngoài, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi làm, sử dụng tài liệu giả là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo cùng một lần bị xét xử về nhiều tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận, bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 4.423.944.241 (bốn tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi một) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A33 thu giữ của bị cáo, do bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội tên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với hành vi của Bùi Đức N, là Giám đốc Công ty B3 cho bị cáo T mượn tài khoản số 0411001050797 của Công ty để bị cáo chuyển tiền vào tài khoản rồi chuyển tiền lại vào tài khoản của bị cáo nhưng ông N không biết bị cáo T sử dụng tài khoản vào việc phạm tội, không biết số tiền chuyển khoản là do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý.

Đối với tài khoản của ông Nguyễn Văn T3 mở tại Ngân hàng V số 1043268779 mà bị cáo chuyển tiền vào, qua điều tra xác định: số tài khoản này là của ông T3 nhưng ông T3 đã bán số tài khoản này cho các đối tượng trên mạng xã hội và ông T3 không biết gì về số tiền bị cáo chuyển khoản vào nên không có căn cứ xử lý.

Đối với vụ việc lừa đảo trên không gian mạng mà Ngô Thị T tố giác, Phòng K1 Công an tỉnh B đã tiếp nhận đơn tố giác của T và đang kiểm tra, xác minh để xử lý.

Đối với các nhân viên Ngân hàng S đã thực hiện đúng quy trình làm việc không phát hiện được hành vi gian dối của bị cáo T, Cơ quan điều tra kết luận không có cơ sở xử lý, là có căn cứ.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 598 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Thị T phải bồi thường cho Công ty TNHH D số tiền 4.423.944.241 (bốn tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi một) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A33, số imeil 3514946994692619588.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương)

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Ngô Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 112.432.944 (một trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (cấp Lý lịch tư pháp);
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, BPH, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Sỹ Trứ**